

Bản án số: 50/2019/DS-ST
Ngày: 12/9/2019.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh.
2. Ông Đoàn Văn Lắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 113/2019/TLST-DS, ngày 22/4/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST - DS ngày 07/8/2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1969.

Trú tại: ấp P, xã P1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Hoài L, sinh năm 1978; bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Trú tại: ấp P, xã P1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2019 của ông Trương Văn M và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Phan Văn D trình bày: Từ khoảng năm 2015 đến tháng 8 năm 2016 ông M có hợp đồng miệng bán thức ăn chăn nuôi heo, vịt cho vợ chồng ông L, bà X, khi mua bán hai bên thỏa thuận miệng là bán heo, vịt thanh toán tiền, thời gian bán heo là 04 đến 05 tháng, vịt là 50 đến 55 ngày. Đến tháng 8 năm 2016 hai bên kết thúc hợp đồng mua bán do ông L, bà X nhiều lần bán heo, vịt nhưng không thanh toán đủ

tiền thức ăn cho ông M, đến ngày 21/3/2018 ông M và bà X, ông L tiến hành tổng kết nợ thì bà X, ông L còn nợ ông M số tiền là 102.870.000 đồng do bà X đại diện gia đình ký tên xác nhận nợ ông M. Từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay, ông L và bà X có trả được cho ông M số tiền là 10.000.000 đồng, còn nợ lại là 92.870.000 đồng. Nay ông M yêu cầu ông L và bà X phải liên đới hoàn trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm còn nợ là 92.870.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X và ông Huỳnh Hoài L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị X và ông Huỳnh Hoài L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh D, bà X và ông L là phù hợp.

[2] Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp là giấy có tiêu đề: “Biên bản tổng kết nợ” đề ngày 21/3/2018 có nội dung: “Hôm nay, ngày 21 tháng 3 năm 2018...Đại diện bên mua (bên A): 1/ Nguyễn Thị X, sinh năm 1978. 2/ Huỳnh Hoài L, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đại diện bên bán (bên B): Ông Trương Văn M, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi tổng kết sổ mua bán hai bên thống nhất đến ngày 21 tháng 3 năm 2018 bên A còn nợ bên B số tiền là: 102.870.000 đồng...”. Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là chữ ký trong “Biên bản tổng kết nợ” là của bà Nguyễn Thị X đại diện gia đình ký tên để tổng kết tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm giữa bà X, ông L với ông M. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: bản sao đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2019 của ông Trương Văn M và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của ông Trương Văn M, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị X và ông Huỳnh Hoài L nhưng bà X và ông L vẫn vắng mặt không lý do và không có giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị X và ông Huỳnh Hoài L có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm với ông Trương Văn M và còn nợ số tiền là 92.870.000 đồng (do bà X, ông L đã trả được 10.000.000 đồng). Xét thấy, bản thân bà X và ông L đã tham gia giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm với ông M nhưng bà X và ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông M là vi phạm nghĩa vụ của bên mua, làm ảnh hưởng đến

quyền lợi hợp pháp của ông M nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M buộc bà X và ông L phải liên đới hoàn trả cho ông M số tiền là 92.870.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc ông M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 92.870.000 đồng là sự tự nguyện của ông nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc ông L và bà X phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho ông M do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn M.

Buộc bà Nguyễn Thị X và ông Huỳnh Hoài L phải liên đới hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm là 92.870.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị X và ông Huỳnh Hoài L phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 92.870.000 đồng x 5% = 4.644.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.322.000 đồng theo biên lai thu số 0002872 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt